

Số: 02/2026/QĐST-KDTM

Hưng Yên, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 09/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/TLST-KDTM ngày 04/02/2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Đồng nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M (Công ty M)

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T; chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty M; ông Nguyễn Phúc T1 trưởng phòng xử lý nợ A; ông Triệu Anh T2; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của công ty; ông Nguyễn Thượng T3; chức vụ: chuyên viên xử lý nợ.

Đều có địa chỉ tại: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT của V1;

Địa chỉ: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G; chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2; ông Nguyễn Thượng T3; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của V1; ông Nguyễn Thành D1; chức vụ: chuyên viên xử lý nợ.

Đều có địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

*** Đồng bị đơn:**

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991;

2. Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1986;

Đều có HKTT, trú tại: **xóm B, thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về khoản nợ:**

- **Tính đến ngày 08/4/2026, vợ chồng anh N, chị H còn nợ Công ty M các khoản tiền gồm:**

+ Nợ gốc: 385.699.998đ

+ Lãi trong hạn: 2.784.586đ

+ Lãi Quá Hạn: 105.890.533đ

+ Lãi chậm trả: 423.409đ

+ Nợ thẻ tín dụng: 34.985.113đ

Tổng cộng: 529.783.639đ (Bằng chữ: *năm trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng*).

- **Tính đến ngày 08/4/2026, anh N, chị H còn nợ V1 các khoản tiền bao gồm:**

+ Nợ gốc: 20.300.000đ

+ Lãi trong hạn: 146.557đ

+ Lãi Quá Hạn: 5.573.186đ

+ Lãi chậm trả: 22.285đ

Tổng cộng: 26.042.028đ (Bằng chữ: *Hai mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm hai mươi tám đồng*).

*** Phương án trả nợ:**

- Chậm nhất đến ngày 08 tháng 6 năm 2026, anh **N** và chị **H** phải thanh toán trả nợ **Công ty M** và **V1** toàn bộ các khoản nợ nêu trên;

Ngoài ra, anh **N**, chị **H** còn phải tiếp tục thanh toán trả lãi đối với khoản nợ gốc theo lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết;

- Hết thời hạn nêu trên, nếu anh **N**, chị **H** không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì **Công ty M** và **V1** được quyền phát mại 02 chiếc xe ô tô gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, FRONTIER số khung RNHA39KHAMT052918, số máy MD544581D4CB; Biển số đăng ký: 89C-286.58; Số giấy chứng nhận đăng ký: 89000026 mang tên chủ xe: **Phạm Văn N**;

+ 01 xe ô tô, nhãn hiệu KIA, THACO số khung RNHA05KHBKC003097, số máy K007656D4CB; biển số đăng ký: 89C-200.97; Số giấy chứng nhận đăng ký 038530 mang tên chủ xe: **Nguyễn Thị H**

Số tiền phát mại 02 chiếc xe ô tô nêu trên còn thừa thì sẽ trả lại cho anh **N**, chị **H**; nếu không đủ để trả nợ thì anh **N**, chị **H** còn phải trả nợ cho đến khi tất toán.

*** Về án phí:**

Các bên thoả thuận anh **N** và chị **H** phải chịu toàn bộ tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể, anh **N** và chị **H** phải nộp toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 13.116.500 đồng (*Bằng chữ: mười ba triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*);

Trả lại **Công ty M** số tiền 11.850.000đ (mười một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000685 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Trả lại **V2** số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000686 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được quy định theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND khu vực 3 - Hưng Yên;*
- *THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Phòng THADS khu vực 3 - Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

LÊ TRUNG KIÊN